

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(Sửa đổi lần thứ năm)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ



Cần Thơ, tháng 05/2013



**ĐIỀU LỆ TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CẦN THƠ**
(Sửa đổi lần thứ năm, ngày 10 tháng 5 năm 2013)

PHẦN MỞ ĐẦU

- Điều lệ tài chính và hoạt động của Công ty được xây dựng trên cơ sở:
 - Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
 - Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Điều lệ này được thông qua bởi các cổ đông của Công ty theo Nghị quyết được thông qua họp lần Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 (sửa đổi lần thứ năm), ngày 10 tháng 5 năm 2013.
- Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Các quy định của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị khi được thông qua phải cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp và Điều lệ này, sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc đối với hành vi các hoạt động kinh doanh.

Chương I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ

- Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty được viết tắt là “HĐQT”.
 - “Đưa vào kinh doanh” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
 - “Vốn điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - “Ngày thành lập” có nghĩa là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.
 - “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- g) “Cán bộ quản lý” có nghĩa là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- h) “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 4, khoản 17 của Luật Doanh nghiệp; Điều 6, khoản 34 của Luật Chứng khoán.
- i) “Cổ đông” có nghĩa là chủ sở hữu hoặc cá nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
- j) “Thị trường hoạt động” có nghĩa là thị trường hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thị trường gia hạn (nếu có) được thông qua bằngमत Nghị quyết của Hội đồng cổ đông.
- k) “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ thuật ngữ nào từ bất kỳ kỳ thuật điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng. Trường hợp các văn bản pháp quy điều chỉnh các nội dung liên quan đến Điều lệ này bổ sung, thay thế thì những nội dung liên quan trong Điều lệ này sẽ được thay thế theo nội dung bổ sung, thay thế của văn bản pháp quy đó. Điều lệ được công bố công khai ngay sau đó phải sửa lại Điều lệ cho phù hợp.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thị trường hoạt động của Công ty

1. Tên công ty:
 - a) Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH CÁN THỊ**
 - b) Tên tiếng Anh: **CANTHO TOURIST JOINT STOCK COMPANY**
 - c) Tên giao dịch : **CANTHOTOURIST**
 - d) Tên viết tắt : **DLC** (mã chứng khoán)
2. Công ty có biểu tượng logo riêng như sau:



3. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
4. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ: 50 Hai Bà Trưng, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
 - Điện thoại: (0710) 3821 854 – (0710) 3824 221

- Fax: (0710) 3810 956
- E-mail: dulichct@canthotourist.vn
- Website: www.canthotourist.vn

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc Tổng giám đốc điều hành) là đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
7. Trường khi chấm dứt hoạt động theo Điều 47 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày đăng ký kinh doanh lần đầu.

Điều 3: Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty với thương hiệu **Canthotourist** là thương hiệu mạnh của ngành du lịch thành phố Cần Thơ và vùng ĐBSCL.
2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
 - Nhà hàng, khách sạn, văn phòng cho thuê.
 - Dịch vụ lữ hành quốc tế, nội địa.
 - Quản lý bến tàu khách và du lịch, dịch vụ taxi, vận chuyển khách du lịch, hành khách công cộng; du thuyền trên sông.
 - Hoạt động thương mại tổng hợp, kinh doanh hàng bách hóa tiêu dùng nội địa; hàng lưu niệm, giày; văn phòng phẩm, quần áo thời trang.
 - Kinh doanh thu nhập lãi suất trong nước; rửa xe nội địa và ngoại nhập; xăng, dầu; trái cây; thiết bị ngành nghề; đồ chơi, đồ dùng giải trí cho vui chơi giải trí.
 - Các dịch vụ khác: bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu cao tốc; tổ chức vận chuyển nhập khẩu, cung ứng lao động; massage, karaoke.
 - Kinh doanh và hoạt động các ngành nghề khác trong phạm vi đăng ký và phù hợp với qui định của pháp luật.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương II:

VĂN DIỄN LUẬT, CÔNG PHÁP N, CÔNG ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Văn điều lệ, công pháp n, công đông sáng lập

1. Văn điều lệ:

- a) Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là: 47.800.800.000 đồng (bốn mươi bảy tỷ, tám trăm triệu, tám trăm ngàn VNĐ)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.780.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

- b) Vốn Nhà nước: 20.000.000.000 VNĐ, chiếm 41,84% / vốn điều lệ.

Vốn thu các pháp nhân và thể nhân khác: 27.800.800.000 VNĐ, chiếm 58,16% / vốn điều lệ.

- c) Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

- d) Vốn điều lệ chủ được sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Cổ phần:

- a) Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ. Các quy định và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

- b) Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác của các cổ đông sáng lập được nêu tại phụ lục đính kèm Điều lệ này.

4. Chào bán cổ phần:

- a) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban chứng khoán Nhà nước thông báo việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo chào bán cổ phần, Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần trên các phương tiện thông tin để chúng ít nhất bảy (7) ngày trước thời điểm diễn ra chào bán cổ phần. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết số do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

- b) Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 87.2 Luật Doanh nghiệp.

5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu ưu quyền và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật và chứng khoán và trường hợp chứng khoán.

Điều 6: Chế độ nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu theo quy định của pháp luật và loại cổ phiếu sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đăng nhập quy định sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại chương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu sổ cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí nhận chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản phí gì.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới và việc điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mới chi phí liên quan cho Công ty.
5. Sổ đăng ký cổ đông:
 - a) Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày đăng ký kinh doanh. Cổ đông phải thông và cổ đông lâu dài khác có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau:
 - Tên, trụ sở của Công ty.
 - Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần đã phát hành theo loại và giá trị vốn của cổ phần đã góp.
 - Tên cổ đông được sắp xếp theo vốn chủ cái, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
 - b) Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền xem xét và nhận được bản sao danh sách cổ đông Công ty trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.
 - c) Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thể quy định trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có đủ số hồ sơ đó.

Điều 7: Chế độ chứng chứng khoán khác

Chứng chứng trái phiếu hoặc các chứng chứng khoán khác của Công ty (trừ các thẻ chào bán, các chứng chứng tiềm thời và các tài liệu tài trợ) được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công phần chia để thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn công phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Trong vòng ba (3) năm kể từ ngày thành lập, các công đồng sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số công phần phổ thông của Công ty. Công đồng sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng công phần phổ thông của mình cho công đồng sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số công phần này cho người không phải là công đồng sáng lập thì công phần phải có số đăng ký của Hội đồng công đồng. Trong trường hợp này, công đồng đã định chuyển nhượng công phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các công phần đó và người nhận chuyển nhượng được ưu tiên trả hành công đồng sáng lập của Công ty.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các công phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận. Công phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vốn là người sở hữu công phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào sổ đăng ký công đồng (trường hợp hợp bên chuyển nhượng ủy quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội công đồng diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp).
5. Trong trường hợp một công đồng bỏ phiếu hoặc được công quan nhà nước có thẩm quyền tuyên bố là mất tích, người đứng đầu hoặc người quản lý tài sản của người chết, người mất tích số được Công ty thừa nhận là người (hoặc người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi từ việc công phần, người quy định này không giới hạn tài sản của công đồng đã chết, đã mất tích khi mà trách nhiệm gắn liền với bất kỳ công phần nào mà người đó nắm giữ.
6. Trường hợp một pháp nhân mới được hình thành từ việc sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc được kết thừa quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ là công đồng của Công ty thì pháp nhân mới phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản hoặc quyết định đã có hiệu lực của công quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc kết thừa để Hội đồng quản trị xem lý về công đồng, công phần, công phiếu và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp công đồng pháp nhân gửi thì công phần của công đồng bị giới hạn này phải được ưu tiên chuyển nhượng cho công đồng của Công ty trước khi chuyển nhượng ra bên ngoài.

Điều 9: Thu hồi công phần

1. Trường hợp công đồng không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua công phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công đồng đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và ngừng chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (thời hạn là bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số công phần chia thanh toán hết số bắt thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp vi phạm các yêu cầu trong thông báo nêu trên không đúng thời hạn.
4. Cổ phần bỏ thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giao quyền cho người đã sở hữu cổ phần bỏ thu hồi hoặc các đối tượng khác theo nhu cầu đầu tư và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bỏ thu hồi sẽ phải tuân theo cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan với tiền lãi (tính theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn VNĐ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc công khai thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bỏ thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Chương III:

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty

1. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
 - a) Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;
 - b) Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyết định và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - d) Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyết định và nhiệm vụ được giao.
2. Cơ cấu tổ chức của các chi nhánh và văn phòng đại diện của Công ty được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị đó do HĐQT Công ty ban hành.

Chương IV:

CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI TÁC ĐẦU TƯ CÔNG ĐÔNG

Điều 11: Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chủ yếu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty, cụ thể:
 - a) Cổ đông của Công ty là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty;

- b) Cổ đông được công nhận chính thức khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần hoặc đã đóng một phần và có cam kết đóng đủ tiền trong thời hạn quy định và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty;
- c) Người đại diện của cổ đông tại Công ty :
- Người đại diện của cổ đông là pháp nhân: Người đại diện phần vốn góp của pháp nhân tại Công ty là người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đó. Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân có thẩm quyền bằng văn bản cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thực hiện pháp nhân đó làm đại diện phần vốn của mình tại Công ty. Nếu người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được ủy quyền cho người thứ ba;
 - Cổ đông là tự nhiên: có thẩm quyền cho người khác có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty;
- d) Việc ủy quyền phải được lập bằng văn bản, việc ủy quyền của cổ đông là tự nhiên phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị của Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phải thông có các quyền sau:
- a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trước tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bởi người ủy quyền xa. Mọi cổ phần phải thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức theo số cổ phần sở hữu tùy thuộc vào kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 8.3 Điều lệ này;
 - d) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán theo số cổ phần phải thông g mà sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các cổ đông mới;
 - e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông để cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f) Xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chép Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại theo số vốn góp vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp Quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phải thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên, có các quyền sau:

- a) Đòi các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát theo quy định trong các Điều 24.5 và 32.5;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra tình vận động cổ tức liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thu hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thông tin, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thông tin, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số chứng chỉ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, từng số cổ phần của cá nhân cổ đông và tổng số hữu trong từng số cổ phần của Công ty; vận động kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e) Các quyền khác được quy định tại Điều 10 này.
4. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông.

Cổ đông có các nghĩa vụ sau :

1. Tuân thủ Điều 10 Công ty và các quy chế của Công ty, chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quy định biểu quyết trước tiếp hoặc thông qua đối diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định, không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phát thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều 10 này.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện mất trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm có Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông

thông ng niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thông ng niên trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông ng niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thông ng niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Được biết, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội đồng tập thể và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b) Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập chỉ định để nghe thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy;
 - c) Bằng cân nhắc kế toán hàng năm, các báo cáo sáu tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 30% trở lên so với số đầu kỳ;
 - d) Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - e) Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng mà vẫn bất thành. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có thể chỉ ký của các cổ đông liên quan hoặc vẫn bất thành yêu cầu được lập thành nghị quyết, trong đó mỗi bất thành phải có chỉ ký của tất cả những cổ đông có liên quan.
 - f) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên nêu tại khoản 3.d Điều lệ này, hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm 3.b, 3.e hoặc 3.f Điều lệ này.
Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật và phải báo thông tin phát sinh đối với Công ty.
 - b) Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp như quy định tại mục a Điều lệ này, thì trong vòng 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường hợp ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật và phải báo thông tin phát sinh đối với Công ty.
 - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều a Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3.e của Điều lệ này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập

và tiến hành hợp Đại hội đồng cổ đông của công ty hoàn tất. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn uống và đi lại.

Ngay khi triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và gửi quy tắc khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này.

Điều 14: Quy định và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Báo cáo tài chính hàng năm của công ty;
 - b) Báo cáo của Ban kiểm soát và hoạt động quản lý Công ty của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị và quản lý kinh doanh của Công ty;
 - d) Kế hoạch phát triển kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b) Kiểm tra và thanh toán hàng năm cho mỗi cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan về lợi ích cổ phần đó. Mục đích của việc này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Lựa chọn công ty kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kế tiếp;
 - d) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.
 - f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát;
 - g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ, trừ trường hợp hợp điều chỉnh vấn đề do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó phù hợp với quy định của pháp luật;
 - h) Lợi ích cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi cổ phần, việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập cho người không phải là cổ đông sáng lập trong vòng 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển đổi thành lý;
 - k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l) Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- m) Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - n) Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch HĐQT;
 - o) Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây :
- a) Thông qua các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 14.2, nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng hay giao dịch;
 - b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan đến cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tài liệu số hạn của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khu vực chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15: Các đại diện được uỷ quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cổ chủ sở cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc chỉ định đại diện được uỷ quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật số thay một cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với uỷ quyền cho luật số hoặc bên sao hợp lệ của uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền của cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cổ chủ sở cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ thông tin, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của công đồng;
- b) Số lượng công phần, loại công phần và ngày đăng ký công đồng tại Công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thông tin, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ công chứng hoặc cá nhân hợp pháp khác của người đi đi theo quy định;
- d) Số công phần được quy định đi đi;
- e) Thời hạn đi đi theo quy định;
- f) Họ, tên, chữ ký của người đi đi theo quy định và người đi đi theo pháp luật của công đồng.

Công ty phải ghi thông báo về người đi đi theo quy định quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Trường hợp hợp quy định tại khoản 3 điều này, phải ưu tiên quy định của người đi đi quy định hợp pháp trong phạm vi được quy định và có hiệu lực ngay khi người đi đi quy định đã:
 - a) Chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đi đi quy định huỷ bỏ việc chỉ định quy định;
 - c) Người đi đi quy định đã huỷ bỏ thẩm quyền của người đi đi việc quy định;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về mất trong các trường hợp trên trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16: Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quy định được biết gần liên với loại công phần nào đã có hiệu lực khi được công đồng nắm giữ ít nhất 65% công phần phải thông qua được thời điểm được công đồng nắm giữ ít nhất 75% quy định phải quy định của loại công phần nào đã nói trên phải quyết định thông qua.
2. Việc tổ chức mất cuộc họp của các công đồng nắm giữ một loại công phần nào đã được thông qua việc thay đổi quy định nêu tại khoản 1 điều này chỉ có giá trị khi có tại thời điểm hai công đồng (hoặc đi đi theo quy định của họ) và nắm giữ tại thời điểm mất phần ba giá trị minh giá của các công phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đi đi phải nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và nếu người nắm giữ công phần thuộc loại đó (không phải thuộc vào số lượng người và số công phần) có mặt trước tiếp hoặc thông qua đi đi theo quy định đều được coi là đủ số lượng đi đi yêu cầu. Tại các cuộc họp của công đồng nắm giữ công phần nào đã nêu trên, nếu người nắm giữ công phần thuộc loại đó có mặt trước tiếp hoặc qua người đi đi đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và miễn người khi bỏ phiếu kín. Mọi công phần cùng loại có quy định phải quyết định bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thời điểm tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện bằng văn bản các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.
4. Trường hợp các điều khoản về phát hành công phần được quy định khác đi, các quy định được biết gần liên với các loại công phần có quy định nào đã trong một số hoặc tất cả các văn bản

liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17: Triếu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4.b hoặc Điều 13.4.c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông để đưa kiến tham gia và biểu quyết tại Đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty ;
 - b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
 - c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đúng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trừ các phí hoặc được bỏ vào hòm thư) . Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 của Điều này, trong các trường hợp sau :
 - a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 10% trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;
 - c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào đề kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này. Kiến nghị sẽ được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đề thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Trường hợp tất cả các đồng đội đi đến 100% số các phần có quyền biểu quyết trước tập thể tham dự hoặc thông qua đi đến quyết định thì Hội đồng các đồng nhất trí thông qua đầu đề coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Hội đồng các đồng không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp Hội đồng các đồng

1. Cuộc họp Hội đồng các đồng được tiến hành khi có số các đồng dự họp đi đến cho ít nhất 65% các phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm mở đầu khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Hội đồng các đồng phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày đầu tiên tổ chức Hội đồng các đồng liên tiếp nhất. Hội đồng các đồng triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các các đồng và những đại diện được ủy quyền dự họp đi đến cho ít nhất 51% các phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp họp đại hội liên tiếp hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm mở đầu khai mạc đại hội, Hội đồng các đồng liên tiếp ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày đầu tiên tiến hành đại hội liên tiếp hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phải thu vào số lượng các đồng hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Hội đồng các đồng liên tiếp nhất đề kiến phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tịch, Hội đồng các đồng có quyền thay đổi chương trình họp đã được ghi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 Điều lệ này.

Điều 19: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Hội đồng các đồng

1. Vào ngày tổ chức Hội đồng các đồng, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký các đồng và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các các đồng có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký các đồng, Công ty sẽ cấp cho từng các đồng hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của các đồng, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của các đồng đó.
3. Các đồng hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tịch không được đóng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch, thư ký và ban kiểm phiếu của Hội đồng các đồng được quy định như sau:
 - a) Hội đồng các đồng do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tịch, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tịch cuộc họp. Trường hợp không ai trong số họ có thể làm Chủ tịch đại hội, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất đến khi đến đại hội đồng các đồng bầu Chủ tịch cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tịch cuộc họp.

- b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cử động điếu khiển đại hội đồng cử động bầu Chủ tịch cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tịch cuộc họp;
- c) Chủ tịch đại hội cử một thành viên ký dự họp biên bản đại hội;
- d) Đại hội sẽ tổ chức trong số đại biểu như người chủ trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tịch; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cử động quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tịch nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.
5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cử động thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đại hội với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Quyết định của Chủ tịch và trình tự, thủ tục hoặc các số kiến phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cử động sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
7. Đại hội đồng cử động thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết đại hội, số thành viên nghị quyết được thu trước, sẽ theo phần đại nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm từng số phiếu tán thành hay phần đại nghị quyết định. Từng số phiếu riêng lẻ, phần đại hội từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tịch thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
8. Chủ tịch Đại hội đồng cử động có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và thời điểm khác do Chủ tịch quyết định mà không cần lý do nếu như thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có đủ người thuận tiện để đi đến thời điểm đại hội, (b) hành vi của nghị quyết có một làm một trật tự hoặc có khả năng làm một trật tự của cuộc họp, hoặc (c) số trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lý. Ngoài ra, Chủ tịch đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự bất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cử động đã có đủ số thành viên đại biểu đủ họp cần thiết. Thời gian hoãn đại hội không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc đã được quyết định họp pháp đại hội bỏ trì hoãn trước đó.
9. Trường hợp Chủ tịch hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cử động trái với quy định trên, Đại hội đồng cử động bầu một người khác trong số những người đủ họp để thay thế Chủ tịch điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiểu về các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
10. Chủ tịch và thành viên ký Đại hội đồng cử động có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người đủ họp.
11. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cử động hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cử động chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cử động hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cần trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cử động hoặc đại diện nêu trên tham gia Đại hội.
12. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cần trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- a) Bỏ trí chức năng tại địa điểm họp Đại hội đồng cử động;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c) Tổ chức kiểm tra cho các đồng tham dự (hoặc tiếp xúc tham dự) đối với;

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sơ động những hình thức khác.

13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng các đồng có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đối với có thể:

a) Thông báo rằng đối với sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đối với sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đối với”);

b) Bởi vì, tất cả các đồng các đồng hoặc đối diện được quy định không được tiếp xúc theo điều khoản này hoặc những người muốn tham gia địa điểm khác với Địa điểm chính của đối với có thể đồng thời tham dự đối với;

Thông báo và việc tất cả các đồng không cần nêu chi tiết những biện pháp tất cả theo điều khoản này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi các đồng sẽ được coi là tham gia đối với Địa điểm chính của đối với.

Hàng năm Công ty tất cả các Đại hội đồng các đồng ít nhất một (1) lần. Đại hội đồng các đồng thường niên không được tất cả các đồng hình thức lý ý kiến bằng văn bản.

Điều 20: Thông qua quyết định của Đại hội đồng các đồng

1. Trong trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng các đồng và các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng các đồng:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng các đồng liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại bỏ phiếu và số lượng phiếu được chào bán; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng các đồng (trong trường hợp tất cả các đồng trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các đồng có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lý ý kiến bằng văn bản).

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo quy chế bầu của của Đại hội.

4. Quyết định của Đại hội đồng các đồng phải được thông báo đến các đồng có quyền họp Đại hội đồng các đồng trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 21: Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Trường hợp họp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu bầu quy tắc họp thu.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu ghi trình để theo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo để theo quyết định và tài liệu ghi trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thông tin của từng cổ đông. HĐQT phải đảm bảo ghi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung như sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội đăng ký doanh nghiệp của Công ty;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ thông tin, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, họ chữ họ của công nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thông tin, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số thông tin phần của từng loại và số phiếu bầu quy tắc của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến để vì từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;
4. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đóng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định thì nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bỏ phiếu không hợp lệ.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung như sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội đăng ký doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông và tổng số phiếu bầu quy tắc đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu bầu quy tắc hợp lệ và số phiếu bầu quy tắc không hợp lệ, kèm theo phần danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để vì từng vấn đề;

e) Các quyết định đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lý ý kiến đã được trình bày, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lý ý kiến được phiếu được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lý ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể có bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 106 Luật doanh nghiệp, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 giờ và gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tịch và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm từ chối lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thời hạn quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lý ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thời gian ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trình tự hợp quyết định của Hội đồng cổ đông bổ sung bổ theo quyết định của Tòa án hoặc Trình tài, người triu tập của hợp Hội đồng cổ đông bổ sung bổ có thể xem xét từ chối lời Hội đồng cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày theo trình tự, thời gian quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương V:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (7) người, gồm một (1) Chủ tịch, một (01) Phó Chủ tịch và năm (5) ủy viên. Nhiệm kỳ đầu tiên, số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (5) người. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nội m giới của phần của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trình tự bổ sung thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bổ miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
3. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị được lập (đối với công ty đổi chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/được lập được xác định theo phần trăm làm tròn xuống.
4. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
5. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông được theo tỷ lệ số hữu cổ phần của cổ đông. Các cổ đông được quy định gộp tỷ lệ số hữu cổ phần vào với nhau để bầu phiếu để các thành viên Hội đồng quản trị.
6. Điều kiện ứng cử, được cử vào Hội đồng quản trị:
 - Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tiếp ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của tổng người lại với nhau để được các thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được cử một (1) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được cử tối đa hai (2) thành viên; từ 30% đến dưới 40% được cử tối đa ba (3) thành viên; từ 40% đến dưới 50% được cử tối đa bốn (4) thành viên; từ 50% đến dưới 60% được cử tối đa năm (5) thành viên; từ 60% đến dưới 70% được cử tối đa sáu (6) thành viên; từ 70% đến 80% được cử tối đa bảy (7) thành viên; và từ 80% đến dưới 90% được cử tối đa tám (8) thành viên.
 - Có năng lực kinh doanh và tài chính quản lý doanh nghiệp, có hiểu biết pháp luật, có trình độ hiểu biết, có kinh nghiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
 - Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

- Không thu c các đ i t ng c m c a pháp l t.

7. Tr ng h p s l ng các ng viên H i đ ng qu n tr thông qua đ c và ng c v n không đ s l ng c n thi t, H i đ ng qu n tr đ ng nh m có th đ c thêm ng c viên ho c t ch c đ c theo m t c ch do Công ty quy đ nh. C ch đ c hay cách th c H i đ ng qu n tr đ ng nh m đ c ng c viên H i đ ng qu n tr phi đ c công b rõ ràng và phi đ c Đ i h i đ ng c đ ông thông qua tr c khi t n hành đ c.
8. M t thành viên HĐQT s không còn t cách thành viên HĐQT trong các tr ng h p sau:
 - a) Không đ t cách làm thành viên HĐQT n a theo quy đ nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b l t pháp c m không đ c làm thành viên HĐQT;
 - b) Thành viên đó g i đ n b ng văn b n xin t ch c đ n tr s chính c a Công ty;
 - c) Thành viên đó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i đ ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i đó không còn năng l c hành vi;
 - d) V ng m t, không tham d các cu c h p c a HĐQT liên t c trong vòng sáu (6) tháng mà không có s cho phép c a HĐQT và HĐQT đã phán quy t r ng ch c v c a ng i này b b tr ng;
 - e) B b i nh m thành viên HĐQT theo quy t đ nh c a Đ i h i đ ng c đ ông;
 - f) Không còn là đ i di n theo u quy n c a c đ ông là t ch c theo quy t đ nh c a t ch c đó;
 - g) Là đ i di n theo u quy n c a c đ ông là t ch c, nh ng t ch c đó không còn là c đ ông c a Công ty n a.
9. H i đ ng qu n tr có th b i nh m thành viên HĐQT m i đ thay th ch tr ng b t ng phát sinh trong HĐQT và thành viên m i phi đ c ch p thu n t i Đ i h i đ ng c đ ông ngay t p sau đó. Sau khi đ c Đ i h i đ ng c đ ông ch p thu n, vi c b i nh m thành viên m i đó s đ c coi là có hi u l c vào ngày đ c HĐQT b i nh m. Nhi m kỳ c a thành viên HĐQT m i đ c tính t ngày vi c b i nh m có hi u l c đ n ngày k t thúc nhi m kỳ c a HĐQT. Trong tr ng h p thành viên m i không đ c Đ i h i đ ng c đ ông ch p thu n, m i quy t đ nh c a HĐQT cho đ n tr c th i đi m di n ra Đ i h i đ ng c đ ông có s tham gia bi u quy t c a thành viên HĐQT thay th v n đ c coi là có hi u l c.
10. Vi c b i nh m các thành viên H i đ ng qu n tr phi đ c công b thông tin theo các quy đ nh c a pháp l t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

Đ i u 25: Quy n h n và nhi m v c a H i đ ng qu n tr

1. Ho t đ ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty phi ch u s giám sát ho c ch đ o th c hi n c a HĐQT. H i đ ng qu n tr là c quan có đ y đ quy n h n đ th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng th m quy n thu c v Đ i h i đ ng c đ ông.
2. H i đ ng qu n tr có trách nhi m giám sát, ch đ o T ng giám đ c và các cán b qu n lý khác trong đ i u hành công vi c kinh doanh hàng ngày c a Công ty.
3. Quy n và nghĩa v c a HĐQT do l t pháp, Đ i u l , các quy ch n i b c a Công ty và quy t đ nh c a Đ i h i đ ng c đ ông quy đ nh. C th , HĐQT có nh ng quy n h n và nhi m v sau:

- a) Xác định các mục tiêu hoạt động cho chiến lược phát triển Công ty trên cơ sở các mục tiêu chiến lược đã đề ra; Đề nghị đồng ý công đồng thông qua;
- b) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chờ đợi, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc Công ty và các chức danh cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định công nghệ để đi đến thực hiện quy trình sản phẩm hoặc phần mềm góp phần công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của nhân viên đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý Công ty không được trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bị bãi nhiệm (nếu có).
- d) Quyết định cấu trúc tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty;
- e) Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, gộp lại hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- f) Gửi quyết các khiếu nại của Công ty đối với các cán bộ quản lý cũng như quyết định của chủ sở hữu đại diện của Công ty để gửi quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chung của các cán bộ quản lý đó;
- g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tăng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quy định chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn đi vào của Công ty;
- h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quy định cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp hợp đồng của Hội đồng quản trị quy định;
- i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tối thiểu; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thời điểm trả cổ tức hoặc xử lý lợi nhuận phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- j) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và gửi kèm theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
- k) Quyết định gửi pháp phát triển thương mại, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác do Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 120.1 và Điều 120.3 của Luật Doanh nghiệp;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp đồng của Hội đồng quản trị, triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc họp ý kiến để Hội đồng quản trị công đồng thông qua quyết định;
- m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;
- n) Báo cáo Hội đồng quản trị về HĐQT bổ nhiệm Giám đốc điều hành.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng liên của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - c) Việc chấp hành và bãi nhiệm những người điều của Công ty ủy nhiệm là đại diện thẩm quyền và luật sư của Công ty;
 - d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thẩm quyền của Công ty;
 - e) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - f) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Công ty từ những công ty khác điều của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - g) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - h) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại, bao gồm cổ phiếu giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
5. HĐQT phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cách thức là về việc giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chờ đợi HĐQT thông qua.
 6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty, trừ khi luật pháp và Điều lệ có quy định khác.
 7. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phần đại diện thông qua quyết định nói trên miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.
 8. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện điều của ủy quyền thay thế) điều của nhận thù lao cho công việc của mình với cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao cho HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ điều của chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong HĐQT hoặc nếu không thỏa thuận điều của thì chia đều.

9. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đối diện phải nhận góp phần vào công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
10. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao đối với công việc ngoài tiền công trả gói theo từng lần, tháng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.
11. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn uống và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26: Chức tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có nhiệm vụ quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp họp Chủ tịch Hội đồng quản trị tại chức hoặc bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp bầu Chủ tịch HĐQT.

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT được bầu ra Chủ tịch HĐQT và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp họp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Các cuộc họp định kỳ.

Chủ tịch phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (5) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là một quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường.

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra Chủ tịch HĐQT không được trì hoãn nếu không có lý do

chính đáng, khi mất trong số các đối tượng dưới đây để nghi bưng vẫn bên trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý khác;
- b) Ít nhất hai (2) thành viên HĐQT;
- c) Ban kiểm soát.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thu thập thông tin của Hội đồng quản trị.

- 4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 2 và 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm với những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến tại Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- 5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên được lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn và báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

- 6. Địa điểm họp.

Các cuộc họp HĐQT số được tiến hành tại địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và số nhất trí của HĐQT.

- 7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (5) ngày trước khi tổ chức họp, đồng thời gửi các thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc Công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên Hội đồng có thể tự gửi thông báo mời họp bằng văn bản và việc tự gửi này có thể có hiệu lực khi tự. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết với những vấn đề số được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phụ lục cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, những phải báo được đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

- 8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

- a) Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.
- b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định mà khoảng này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

- 9. Biểu quyết:

- a) Trường hợp quy định tại Khoản 9.b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trước có một phiếu và tự cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị số có một phiếu biểu quyết;

- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết với các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan với thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số tổng đại biểu tại thời điểm có mặt để có thể thực hiện một cuộc họp Hội đồng quản trị với những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c) Theo quy định tại Khoản 9.d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến một đề xuất lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự thỏa thuận thì bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tịch cuộc họp và phân quyết của chủ tịch liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chủ yếu đến công bố đầy đủ;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hàng năm là tất cả những hợp đồng được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai báo cáo, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên đồng ý chấp thuận. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt.

Thành viên không trực tiếp tham dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (1) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp.

13. Hợp trên diện thoả hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của HĐQT có thể thực hiện theo hình thức nghi lễ giữa các thành viên của Hội đồng khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mọi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe tiếng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tịch cuộc họp hiện diện.

Các quy định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp những người được thông báo bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Biên bản cuộc họp HĐQT.

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối với nội dung biên bản trong thời hạn (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu theo Điều 113 Luật Doanh nghiệp và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký ít nhất của một (1) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp và có đóng dấu của Công ty.

16. Những người được mời họp dự thính.

Thư ký Hội đồng, Tổng giám đốc điều hành, các thành viên Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể được họp HĐQT theo lời mời của Hội đồng nhưng không được biểu quyết.

17. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quy định hiện được nêu, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban những (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

18. Giá trị pháp lý của hành động.

Các hành động thực thi quy định định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban thực thi của Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp vi phạm, chủ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

Chương VI:

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỀU HÀNH,

CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỰC KÝ CÔNG TY

Điều 28: Thực chức năng máy quản lý

Công ty ban hành một hệ thống quản lý phải đảm bảo bộ máy quản lý đó chịu trách nhiệm và thực thi các sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành, một số Phó Tổng giám đốc điều hành, một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29: Cán bộ quản lý

1. Theo định nghĩa của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được quyền tuyển dụng, sử dụng cán bộ quản lý cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với các yêu cầu và các chức năng của Công ty. Cán bộ quản lý phải có sự môn cán cần thiết để các hoạt động và thực hiện của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mục tiêu, tiến độ, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Đối với cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhậm chức và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm.

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trả công, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là ba (3) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động, Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tiêu chuẩn.

Tổng giám đốc điều hành phải có tiêu chuẩn theo Điều 57 Luật Doanh nghiệp và không được phép là nhân sự bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là nhân sự bị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên của công vụ, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị Tòa án phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trở nên phá sản. Có trình

đều đủ điều kiện, các ngành kinh tế, có ít nhất ba (3) năm kinh nghiệm trong quản lý điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề chính của Công ty, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt và minh cần thận trọng với công việc.

4. Quy định hân và nhiệm vụ của Tổng giám đốc.

- a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Điều lệ công ty; thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Điều lệ công ty thông qua;
- b) Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay đổi Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty theo nghị quyết của quản lý tài chính;
- c) Kiểm soát nội bộ và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhân sự thực hiện các hoạt động quản lý tài chính theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tất cả vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, xếp hạng, cho nghỉ chế độ nghỉ việc các chức danh cán bộ, nhân viên trong Công ty không thuộc diện phải trình HĐQT phê chuẩn (đối với những chức danh cần phải được sự thông qua của HĐQT thì chỉ được quyết định sau khi đã báo cáo và được HĐQT thông qua);
- e) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động của Công ty. Tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động, bố trí số đông, quyết định nghỉ và thôi việc (nếu có), khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ hoặc cho thôi việc người lao động trong Công ty theo quy định của pháp luật về lao động và quy chế của Công ty;
- f) Điều hành Hội đồng quản trị quyết định thành lập, thực hiện, giải thể các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- g) Kiểm soát phòng án trừ các hoạt động xử lý trong kinh doanh; đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h) Xây dựng đề xuất chiến lược phát triển, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để trình HĐQT;
- i) Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý tài chính hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ đính kèm) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- j) Chấm dứt vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu kinh doanh và phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm;

- k) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật;
- l) Có quyền đề nghị thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ này hoặc trái với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát;
- m) Được quyết định các biện pháp với tất cả thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố bất khả kháng và chịu trách nhiệm với các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông.

Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm.

HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị đề nghị có quyền biểu quyết tán thành và bãi nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

7. Thủ tục miễn nhiệm hoặc miễn cách.

- a) Khi miễn nhiệm, Tổng giám đốc điều hành phải có đơn gửi HĐQT. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải xem xét và quyết định.
- b) Tổng giám đốc điều hành miễn cách khi bị chết, mất trí, mất quyền công dân hoặc từ ý bỏ nhiệm sở ba (3) ngày trở lên. Trong trường hợp này, HĐQT phải tìm kiếm người thay thế không quá ba mươi (30) ngày và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

8. Ủy quyền, ủy nhiệm.

- a) Tổng giám đốc điều hành có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm cho các phó Tổng giám đốc hoặc người khác thay mình giữ quyết định số phận về việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm đó;
- b) Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc điều hành và pháp luật về những công việc mình làm;
- c) Sự ủy quyền, ủy nhiệm liên quan đến con dấu của Công ty phải được thực hiện bằng văn bản và có thời hạn;

Điều 31: Thủ tục ký Công ty

1. HĐQT chỉ định một hoặc nhiều người làm Thủ tục ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản về thù lao, quyền lợi và nhiệm vụ của Thủ tục ký Công ty theo quyết định của Hội đồng, đồng thời có thể bãi nhiệm Thủ tục ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật về lao động hiện hành.
2. HĐQT có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thủ tục ký Công ty tùy theo thời điểm.
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ tục ký Công ty bao gồm :

- a) Chọn bỏ các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
 - b) Làm biên bản các cuộc họp;
 - c) Tập vốn và thanh toán của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Đem bỏ các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp.
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
4. Thủ ký Công ty có trách nhiệm báo một thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương VII:

BAN KIỂM SOÁT

Điều 32: Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (3) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ đầu tiên, số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (3) người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (5) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan (vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột) với các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty; Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
3. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một (1) thành viên là người có chuyên môn về kế toán. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
4. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán; Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu HĐQT, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
5. Giới thiệu, đưa vào Ban kiểm soát:
 Các cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người với nhau để đưa các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đưa một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đưa tối đa hai (2) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đưa tối đa ba (3) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đưa tối đa bốn (4) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đưa tối đa năm (5) ứng viên.
6. Trưởng ban họp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đại cổ và ứng viên vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát được phép bổ sung có thể đưa thêm ứng viên hoặc từ chối đưa theo cách thức được Công ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị

Công ty. Công chức ban kiểm soát được nhậm chức công viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng công đồng thông qua trước khi tiến hành được.

7. Thành viên Ban kiểm soát không còn theo cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b) Thành viên đó từ chức bằng mặt văn bản thông báo được gửi đến trực tiếp chính cho Công ty;
 - c) Thành viên đó bị rơi lõn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có nhúng bằng chứng chuyên môn chứng minh rằng đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tiếp trong vòng sáu (6) tháng liên tiếp, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e) Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng;
 - f) Không còn là đại diện theo ủy quyền của công đồng là từ chức theo quyết định của từ chức đó;
 - g) Là đại diện theo ủy quyền của công đồng là từ chức, nhưng từ chức đó không còn là công đồng của Công ty nữa.
8. Trường hợp Ban kiểm soát vì phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng công đồng để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát được nhậm chức và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
9. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới của được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 33: Quy định và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Quy định và nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là nhúng quy định hạn và trách nhiệm sau đây:

- a) Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng công đồng trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ chính xác trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong từ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng công đồng tiếp tục họp thường niên;
- d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng công đồng hoặc theo yêu cầu của công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này;

- e) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo ghi trình với nhđng vđn đđ đđ c yêu cầu kiểm tra đđn Hđi đđng quđn trđ và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không đđ c cđn trđ hođt đđng bình thđđng của Hđi đđng quđn trđ, không gây gián đđn đđđu hành hođt đđng kinh doanh của Công ty;
 - f) Kiểm nhđ Hđi đđng quđn trđ hoặc Đđi hđi đđng cổ đông các biện pháp sđ đđi, bổ sung, cđi tđn cđ cđu tđ chđ c quđn lý, đđđu hành hođt đđng kinh doanh của Công ty;
 - g) Khi phát hiđn có thành viên Hđi đđng quđn trđ, Giám đđ c đđđu hành vi phđm nghĩa vđ của ngđđi quđn lý Công ty quy đđnh tại Điều 119 Luđt Doanh nhđđp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hđi đđng quđn trđ, yêu cầu ngđđi có hành vi vi phđm chđm đđt hành vi vi phđm và có ghi pháp khđc phđc hđu quđ;
 - h) Đđ xuđt lđ chđn công ty kiểm toán đđ c lđp, mđ c phí kiểm toán và mđi vđn đđ liên quan đđn sđ rút lui hay bãi nhđm của Công ty kiểm toán đđ c lđp; thđo luđn vđi kiểm toán viên đđ c lđp vđ tính chđt và phđm vi kiểm toán trđđ c khi bđt đđđu viđc kiểm toán; thđo luđn vđ nhđng vđn đđ khó khăn và tđn tđi phát hiđn tđ các kđt quđ kiểm toán giđa kỳ hoặc cuối kỳ cũng nhđ mđi vđn đđ mà kiểm toán viên đđ c lđp muđn bàn bđc;
 - i) Xem xét thđ quđn lý của kiểm toán viên đđ c lđp và ý kiđn phđn hđi của ban quđn lý Công ty; xem xét báo cáo của Công ty vđ các hđ thđng kiểm soát nđi bđ trđđ c khi Hđi đđng quđn trđ chđp thuđn; xem xét nhđng kđt quđ đđđu tra nđi bđ và ý kiđn phđn hđi của ban quđn lý Công ty;
 - k) Ban kiểm soát có quyđn sđ đđng tđ vđn đđ c lđp đđ thđ c hiđn các nhđm vđ đđđ c giao;
 - l) Ban kiểm soát có thđ tham khđo ý kiđn của Hđi đđng quđn trđ trđđ c khi trình báo cáo, kđt luđn và kiểm nhđ lên Đđi hđi đđng cổ đông;
 - m) Tham đđ các cuđc hđp của HĐQT theo giđy mđi, phát biđu ý kiđn nhđng không đđđ c tham gia biđu quyđt;
 - n) Thđ c hiđn các quyđn và nhđm vđ khác theo quy đđnh của Luđt Doanh nhđđp, Đđđu lđ này và quyđt đđnh của Đđi hđi đđng cổ đông;
2. Quyđn đđđ c cung cđp thông tin của Ban kiểm soát:
- Thành viên của Hđi đđng quđn trđ, Tđng giám đđ c đđđu hành và cán bđ quđn lý phải cung cđp tđt cđ các thông tin và tài liđu liên quan đđn hođt đđng của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thđ ký Công ty phải bđo đđm rđng toàn bđ bđn sao chđp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cđp cho các thành viên Hđi đđng quđn trđ và bđn sao các biên bđn hđp Hđi đđng quđn trđ sđ phải đđđ c cung cđp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thđi đđđm chúng đđđ c cung cđp cho Hđi đđng quđn trđ.
3. Sau khi đã tham khđo ý kiđn của Hđi đđng quđn trđ, Ban kiểm soát có thđ ban hành các quy đđnh vđ các cuđc hđp của Ban kiểm soát và cách thđ c hođt đđng của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải hđp tđi thiđu hai lđn mđt năm và sđ lđđng thành viên tham gia các cuđc hđp tđi thiđu là hai (2) ngđđi.

4. Mục thù lao cho thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng cổ đông quy định. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ và vận chuyển và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:
- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quy định của Hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần mẫn, tận tâm nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, nội bộ kinh doanh của Công ty, làm được điều gì, chức vụ và tài sản của Công ty để lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân khác;
 - Trình bày hợp lý phạm vi phạm nghĩa và quy định tại các mục a, b, c của khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới với thẩm định thiệt hại đó;
Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa và quy định tại mục c của khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.
 - Trình bày hợp lý phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa và trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Chương VIII:

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34: Trách nhiệm của thành viên

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác được hiểu có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phạm vi công việc mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thẩm định trung thực có khi đảm nhiệm vị trí thẩm định và trong hoàn cảnh thẩm định.

Điều 35: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột với quyền lợi

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những nội bộ kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; được thì không được sử dụng những thông tin có được nội bộ của mình để lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả lợi ích có thể gây xung đột với

lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân nào mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, hoặc những người liên quan đến hợp đồng công ty, đại tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a) Đại hội hoặc hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
- b) Đại hội hoặc những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yêu cầu quản trị về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết và vận động đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mối phụ thuộc liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin của được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 36: Trách nhiệm và thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm và thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vì phạm nghĩa và hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với số vốn riêng, mất cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khiếu nại (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và

không phải là các vật kiện do Công ty là người khi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đối diện đối của Công ty và quy định hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đối diện theo quy định của Công ty với đối tượng kiện người đó đã hành động trung thực, cần trung, miễn cần vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đối diện theo quy định của Công ty đối với Công ty bởi những khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khiếu kiện (trừ các vật kiện do Công ty là người khi kiện) trong các trường hợp sau:

- a) Đã hành động trung thực, cần trung, miễn cần vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bởi những bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bởi những nêu trên.

Chương IX:

QUY ĐỊNH U TRAS SÁCH VÀ H S CÔNG TY

Điều 37: Quy định u tra s sách và h s

1. Các đồng hoặc nhóm các đồng nêu tại điều 24.5 và 32.5 Điều này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh chính của Công ty danh sách các đồng, các biên bản của Đại hội đồng các đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đối diện đối của quy định của các đồng phải kèm theo giấy ủy quyền của các đồng mà người đó đối diện, hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký các đồng của Công ty, danh sách các đồng và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tài chính và của mình với điều kiện các thông tin này phải được báo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều này, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản, nghị quyết hợp Đại hội đồng các đồng và HĐQT, các báo cáo của HĐQT và Ban kiểm soát, báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc một nội khác với điều kiện là các các đồng và các quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi các đồng đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều này Công ty miễn phí (trường hợp Công ty chưa có website). Nếu Công ty có một website, Điều này Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Chương X:

NGHĨA LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TRONG CÔNG TY

Điều 38: Nghĩa lao động, công đoàn và tổ chức chính trị- xã hội

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua và các văn bản liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buôn bán, lao động, báo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cá nhân bộ phận lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn để công nhân theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
3. Tổ chức công đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và điều lệ của các tổ chức đó.
4. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ của mình.

Chương XI:

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39: Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định, phần còn lại được chia như sau:
 - a) Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
 - b) Trích lập quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi.
 - d) Chia cổ tức;Mức cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty và tỷ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của HĐQT.
2. HĐQT có thể quyết định thanh toán tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. HĐQT có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp trả cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền để Việt Nam hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường

hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông theo hợp đồng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu ưu tiên ưu đãi sẽ giao dịch chuyển khoản có thể được tiến hành thông qua công ty chuyển khoản hoặc Trung tâm lưu ký chuyển khoản Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chuyển khoản, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cổ tức để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, công ty sẽ đăng ký với tổ chức cách cổ đông hoặc người sở hữu các chuyển khoản khác được quy định như cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật.

Chương XII:

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỢP THỎNG KẾ TOÁN

Điều 40: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành rút cổ các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41: Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày công bố giấy chuyển nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười Hai của năm đó, nếu lớn hơn 90 ngày; trường hợp nhỏ hơn 90 ngày thì được công nhận vào năm tài chính tiếp theo.

Điều 42: Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sẽ dùng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nhưng hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải được chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sẽ dùng Đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XIII:

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điểm 43: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với công ty niêm yết), cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm, Công ty còn phải lập bảng cân đối kế toán riêng cho và tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm được quyền sao chép báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giới hạn vi phạm của Công ty, tài trợ số chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chép.

Điểm 44: Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thủ tục chứng khoán.

Chương XIV:

Kiểm toán Công ty

Điểm 45: Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chọn định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (2) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Một bên sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bên báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mỗi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội và các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XV:

CON DŨU

Điều 46: Con dấu

1. HĐQT thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. HĐQT, Tổng giám đốc điều hành sẽ dùng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVI:

CHẾ M DẪ T HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47: Chế m dẫ t hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c) Giải thể theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc theo quy định).

Điều 48: Gia hạn hoạt động.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết với việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 49: Thanh lý

1. Ít nhất sáu (6) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm 3 thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chọn định và một thành viên do HĐQT chọn từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể là nhân viên

Công ty hoặc chuyên gia để lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày mà Ban được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động trên thực tế. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Tiền lương và chi phí bồi dưỡng cho công nhân viên;
 - c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d) Các khoản vay (nếu có);
 - e) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ thì mới chia đến trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương XVII:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quy định hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giải quyết:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp; Các bên liên quan sẽ cùng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT thì Chủ tịch Hội đồng sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yêu cầu thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát hoặc một cơ quan chức năng chuyên môn chỉ định một chuyên gia để lập đề án hành động với tư cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không được thỏa mãn quy định hòa giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quy định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của tòa án sẽ do tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XVIII:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 51: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có nhu cầu quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có nhu cầu quy định mới của pháp luật khác với nội dung điều khoản trong Điều lệ này thì nhu cầu quy định của pháp luật đó được ưu tiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 52: Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XVIII chương và 52 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Du lịch Cần Thơ nhất trí thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2013 tại Cần Thơ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - 1 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - 5 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;
 - 4 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Họ tên, chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du Lịch Cần Thơ

1. Ông Vũ Xuân Hùng,

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Đại diện Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

2. Ông Ngô Diêu Hưng,

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

3. Ông Nguyễn Hữu Bình Phúc,

Thành viên Hội đồng quản trị - Đại diện Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

4. Ông Phạm Hữu Ngọc Sơn,

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

5. Ông Thang Quốc Cường,

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

6. Ông Trang Văn Khen,

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ

7. Bà Du Kim Lăng,

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Cần Thơ